TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-02-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

Ông Nguyễn Đức Mạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Ngọc Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 243/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị PTH, sinh năm 1990; cư trú: Thôn NK, xã PN, huyện TN, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Bị đơn*: Anh KHJ, sinh năm 1967; cư trú: 382 A, B, C, Hàn Quốc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản khai, nguyên đơn chị PTH trình bày:

Chị PTH và anh KHJ kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và đã ghi chú tại Sở Tư pháp Hải Phòng ngày 03 tháng 4 năm 2013. Vợ chồng chung sống tại Hàn Quốc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách, ngôn ngữ, về quan điểm sống và chênh lệch tuổi tác. Nay chị H đã về Việt Nam được 3 năm và không quay trở lại Hàn Quốc để đoàn tụ gia đình. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với anh KHJ.

Về con chung và tài sản chung: Chị H xác định không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị PTH có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành cơ bản đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị PTH được ly hôn với anh KHJ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh KHJ là bị đơn hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Toà án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng đối với anh KHJ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kết quả anh KHJ đã nhận được các Thông báo của Tòa án nhưng không có mặt tại phiên tòa lần 2 và không gửi lời khai hoặc đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn . Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh KHJ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xác định quan hệ hôn nhân: Chị PTH, anh KHJ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và đã ghi chú tại Sở Tư pháp Hải Phòng ngày 03 tháng 4 năm 2013. Theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2010 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ngay từ thời gian đầu chung sống, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách, ngôn ngữ. Nay vợ chồng sống ly thân, chị H đã về Việt Nam 03 năm và không có ý định trở lại Hàn Quốc để đoàn tụ gia đình.

Xét thấy: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của chị H là tự nguyện, nên cần chấp nhận giải quyết cho chị H, anh KHJ được ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung và tài sản chung: Chị PTH không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3] . Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Chị PTH là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh KHJ và chị PTH được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469, điểm a khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hằng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị PTH được ly hôn với anh KHJ.

2. Về con chung: Chị PTH không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị PTH không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp:

Chị PTH phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) lệ phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứn g án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số 0003767 ngày 26 tháng 4 năm 2017 và 200.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí uỷ thác tư pháp theo biên lai số 0003650 ngày 09 tháng 5 năm 2017 đều tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị PTH đã nộp đủ án phí sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp.

Chị PTH có nghĩa vụ nộp 200.000đồng tiền lệ phí ủy thác tống đạt bản án ra nước ngoài tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Toà án thực hiện việc tống đạt bản án ra nước ngoài sau khi nhận được biên lai thu tiền lệ phí uỷ thác do chị PTH nộp.

5.Về quyền kháng cáo:

Chị PTH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh PTH được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Thủy